

# CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN IFRS ("IFRS AUDITING")**

# CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| NỘI DUNG                                | Trang   |
|-----------------------------------------|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY         | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 03 - 03 |
| 3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH          | 04 - 05 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 06 - 06 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 07 - 07 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 08 - 14 |

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Ngọc Thơm trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thơm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309391503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 09 năm 2009 và thay đổi lần thứ 10 vào ngày 09 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính này bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;

Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (không hoạt động tại trụ sở); kho chứa thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản. Kho chứa đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Bán buôn đồ uống;

Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn.

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; kho chứa vải, hàng may sẵn, giày dép.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dược phẩm và dụng cụ y tế; kho chứa vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dược phẩm và dụng cụ y tế.

- ...

Công ty có trụ sở chính tại: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Chủ tịch Công ty trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Thơm.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Thơm.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán IFRS được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Chủ tịch công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY (Tiếp theo)**

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và

Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## **CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 04 đến trang 14, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025



**TRẦN THỊ THƠM**  
Chủ tịch công ty

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Chủ tịch công ty****CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 kèm theo của Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thơm ("Công ty") được lập ngày 02 tháng 12 năm 2025, từ trang 04 đến trang 14, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Chủ tịch công ty**

Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm Toán Viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thơm tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2026

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN IFRS****HUỲNH THỊ BẢO KHÂM****Tổng Giám đốc**

GCNĐKHNTK số: 3614-2026-339-1

**HUỲNH NGỌC NGÂN****Kiểm toán viên**

GCNĐKHNTK số: 4692-2025-339-1

12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp  
Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                            | MÃ SỐ      | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM           | SỐ ĐẦU NĂM            |
|------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>100</b> |             | <b>61.645.657.938</b> | <b>38.885.157.234</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110        | V.01        | 14.528.882.530        | 4.248.647.066         |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 120        |             | -                     | -                     |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 130        |             | 16.354.277.531        | 12.651.563.500        |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 131        | V.02        | 14.118.566.634        | 10.603.223.493        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 132        | V.03        | 2.231.046.791         | 2.048.340.007         |
| Phải thu ngắn hạn khác             | 133        |             | 4.664.106             | -                     |
| Hàng tồn kho                       | 140        | V.04        | 30.242.242.073        | 21.720.410.636        |
| Hàng tồn kho                       | 141        |             | 30.242.242.073        | 21.720.410.636        |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 150        |             | 520.255.804           | 264.536.032           |
| Thuế GTGT được khấu trừ            | 151        |             | 415.536.609           | 178.394.531           |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 152        |             | 104.719.195           | 86.141.501            |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>200</b> |             | <b>652.325.936</b>    | <b>821.661.028</b>    |
| Các khoản phải thu dài hạn         | 210        |             | -                     | -                     |
| Tài sản cố định                    | 220        | V.05        | 652.325.936           | 821.661.028           |
| Nguyên giá                         | 221        |             | 1.034.142.637         | 977.564.637           |
| Giá trị hao mòn lũy kế             | 222        |             | (381.816.701)         | (155.903.609)         |
| Bất động sản đầu tư                | 230        |             | -                     | -                     |
| Xây dựng cơ bản dở dang            | 240        |             | -                     | -                     |
| Đầu tư tài chính dài hạn           | 250        |             | -                     | -                     |
| Tài sản dài hạn khác               | 260        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>           | <b>300</b> |             | <b>62.297.983.874</b> | <b>39.706.818.262</b> |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính:

| NGUỒN VỐN                           | MÃ SỐ      | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM           | SỐ ĐẦU NĂM            |
|-------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>400</b> |             | <b>28.123.012.987</b> | <b>5.599.256.219</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>410</b> |             | <b>28.123.012.987</b> | <b>5.599.256.219</b>  |
| Phải trả cho người bán ngắn hạn     | 411        | V.06        | 1.800.931.447         | 3.190.951.274         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 412        |             | 4.868.361.402         | 2.386.889.452         |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 413        | V.07        | 15.156.784            | 21.415.493            |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | 416        | V.08        | 21.438.563.354        | -                     |
| <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>420</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>         | <b>500</b> |             | <b>34.174.970.887</b> | <b>34.107.562.043</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>510</b> | <b>V.9</b>  | <b>34.174.970.887</b> | <b>34.107.562.043</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu              | 511        |             | 20.000.000.000        | 20.000.000.000        |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | 517        |             | 14.174.970.887        | 14.107.562.043        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>          | <b>600</b> |             | <b>62.297.983.874</b> | <b>39.706.818.262</b> |



**ĐẶNG XUÂN NGỌC**  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

**TRẦN THỊ THƠM**  
Chủ tịch công ty

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                  | MÃ SỐ     | THUYẾT MINH | NĂM NAY                | NĂM TRƯỚC              |
|-----------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>01</b> | <b>VI.1</b> | <b>178.856.015.777</b> | <b>147.340.124.730</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        | VI.2        | 19.976.800.078         | 22.426.168.608         |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> |             | <b>158.879.215.699</b> | <b>124.913.956.122</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11        | VI.3        | 132.769.948.285        | 93.373.078.382         |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |             | <b>26.109.267.414</b>  | <b>31.540.877.740</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | VI.4        | 7.121.392              | 3.680.968              |
| 7. Chi phí tài chính                                      | 22        | VI.5        | 1.194.991.659          | 281.060.631            |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay                              | 23        |             | 1.147.930.809          | 281.060.631            |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh                             | 24        | VI.6        | 24.749.966.934         | 31.163.225.472         |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>30</b> |             | <b>171.430.213</b>     | <b>100.272.605</b>     |
| 10. Thu nhập khác                                         | 31        |             | -                      | -                      |
| 11. Chi phí khác                                          | 32        |             | 87.169.158             | 50.596.046             |
| <b>12. Lợi nhuận khác</b>                                 | <b>40</b> |             | <b>(87.169.158)</b>    | <b>(50.596.046)</b>    |
| <b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              | <b>50</b> |             | <b>84.261.055</b>      | <b>49.676.559</b>      |
| 14. Chi phí Thuế TNDN                                     | 51        |             | 16.852.211             | 20.054.521             |
| <b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>       | <b>60</b> |             | <b>67.408.844</b>      | <b>29.622.038</b>      |

**ĐẶNG XUÂN NGỌC**

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

**TRẦN THỊ THƠM**

Chủ tịch công ty



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                            | MÃ SỐ     | THUYẾT MINH | NĂM NAY                 | NĂM TRƯỚC               |
|---------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>         |           |             |                         |                         |
| - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp hàng hóa dịch vụ và doanh thu khác | 01        |             | 110.704.864.282         | 124.975.145.980         |
| - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ               | 02        |             | (111.116.037.078)       | (174.161.671.380)       |
| - Tiền chi trả cho người lao động                                   | 03        |             | (5.312.839.761)         | (5.773.610.403)         |
| - Tiền chi trả lãi vay                                              | 04        |             | (1.176.497.359)         | (281.060.631)           |
| - Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                           | 05        |             | (20.054.521)            | (538.754.414)           |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                             | 06        |             | 178.195.477             | 1.481.610.957           |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                             | 07        |             | (4.399.558.930)         | (4.665.300.865)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                | <b>20</b> |             | <b>(11.141.927.890)</b> | <b>(58.963.640.756)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                      |           |             |                         |                         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                    | <b>30</b> |             | <b>-</b>                | <b>-</b>                |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                  |           |             |                         |                         |
| - Tiền thu từ đi vay                                                | 33        |             | 62.947.393.227          | 20.346.490.888          |
| - Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính                          | 34        |             | (41.525.229.873)        | (29.346.490.888)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                 | <b>40</b> |             | <b>21.422.163.354</b>   | <b>(9.000.000.000)</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                               | <b>50</b> |             | <b>10.280.235.464</b>   | <b>(67.963.640.756)</b> |
| <b>Tiền tồn đầu kỳ</b>                                              | <b>60</b> | <b>V.01</b> | <b>4.248.647.066</b>    | <b>72.212.287.822</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ             | 61        |             | -                       | -                       |
| <b>Tiền tồn cuối kỳ</b>                                             | <b>70</b> | <b>V.01</b> | <b>14.528.882.530</b>   | <b>4.248.647.066</b>    |

**ĐẶNG XUÂN NGỌC**

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

**TRẦN THỊ THƠM**

Chủ tịch công ty



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Ngọc Thơm được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309391503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 09 năm 2009 và thay đổi lần thứ 10 vào ngày 09 tháng 11 năm 2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 VND

Trụ sở chính: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại****3. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính này bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;

Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (không hoạt động tại trụ sở); kho chứa thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản. Kho chứa đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Bán buôn đồ uống;

Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn.

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; kho chứa vải, hàng may sẵn, giày dép.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dược phẩm và dụng cụ y tế; kho chứa vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dược phẩm và dụng cụ y tế.

- ...

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng****II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành.

Các nguyên tắc và thực hành kế toán áp dụng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

**b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau:

+ Các khoản tiền, nợ phải thu: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có giao dịch thường xuyên trong năm tài chính.

+ Các khoản nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có giao dịch thường xuyên trong năm tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình****a. Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

**b. Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Máy móc thiết bị                | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 năm      |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | Số cuối năm           |  | Số đầu năm           |  |
|---------------------------------------|-----------------------|--|----------------------|--|
|                                       |                       |  |                      |  |
| Tiền mặt tại quỹ                      | 12.377.184.591        |  | 2.247.650.425        |  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn       | 2.151.697.939         |  | 2.000.996.641        |  |
| <b>Tổng cộng</b>                      | <b>14.528.882.530</b> |  | <b>4.248.647.066</b> |  |

  

| 2. Phải thu của khách hàng                                                      | Số cuối năm           |  | Số đầu năm            |  |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--|-----------------------|--|
|                                                                                 |                       |  |                       |  |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                                 |                       |  |                       |  |
| Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce | 10.107.248.697        |  | 8.986.860.645         |  |
| Công Ty Cổ phần Thu Hằng Food Việt Nam                                          | -                     |  | 84.242.213            |  |
| Công ty Cổ phần Sản Xuất Thực Phẩm Ngọc Thơm Foods                              | 1.286.462.461         |  | -                     |  |
| Công ty Cổ phần King Food Market                                                | 192.539.787           |  | 256.030.640           |  |
| Khách hàng khác                                                                 | 2.532.315.689         |  | 1.276.089.995         |  |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                | <b>14.118.566.634</b> |  | <b>10.603.223.493</b> |  |

  

| 3. Trả trước cho người bán                          | Số cuối năm          |  | Số đầu năm           |  |
|-----------------------------------------------------|----------------------|--|----------------------|--|
|                                                     |                      |  |                      |  |
| <b>Ngắn hạn</b>                                     |                      |  |                      |  |
| Công ty TNHH APK Trading                            | 1.109.097.500        |  | -                    |  |
| Pentek Textile Machinery SRL                        | 891.544.980          |  | -                    |  |
| Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Thiên Vương               | -                    |  | 425.250.000          |  |
| Zhejiang Hengtai Intelligent Equipment Co Ltd China | 15.246.000           |  | 878.580.000          |  |
| Zhucheng Huabang Machinery Co.,Ltd                  | -                    |  | 436.974.800          |  |
| Các khoản khác                                      | 215.158.311          |  | 307.535.207          |  |
| <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>2.231.046.791</b> |  | <b>2.048.340.007</b> |  |

  

| 4. Hàng tồn kho  | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                  | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Công cụ dụng cụ  | 37.810.000            | -        | 86.655.531            | -        |
| Hàng hóa         | 30.204.432.073        | -        | 21.633.755.105        | -        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30.242.242.073</b> | -        | <b>21.720.410.636</b> | -        |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**5. Tăng giảm tài sản cố định**

| Khoản mục                     | Tài sản cố định<br>hữu hình | Tổng cộng     |
|-------------------------------|-----------------------------|---------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                             |               |
| Số dư tại ngày đầu năm        | 977.564.637                 | 977.564.637   |
| Mua trong năm                 | 56.578.000                  | 56.578.000    |
| Thanh lý, nhượng bán          | -                           | -             |
| Số dư tại ngày cuối năm       | 1.034.142.637               | 1.034.142.637 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                             |               |
| Số dư tại ngày đầu năm        | 155.903.609                 | 155.903.609   |
| Tăng trong năm                | 227.035.282                 | 227.035.282   |
| Điều chỉnh giảm               | (1.122.190)                 | (1.122.190)   |
| Số dư tại ngày cuối năm       | 381.816.701                 | 381.816.701   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                             |               |
| Tại ngày đầu năm              | 821.661.028                 | 821.661.028   |
| Tại ngày cuối năm             | 652.325.936                 | 652.325.936   |

**6. Phải trả người bán**

|                                        | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                        |                      |                      |
| Công ty Cổ phần thực phẩm Thiên Vương  | 740.000.000          | -                    |
| Công ty Cổ phần thực phẩm sạch Bình An | 820.213.254          | 1.067.605.980        |
| Hộ kinh doanh Khánh Toàn               | 114.111.184          | 707.027.148          |
| Pentek Textile Machinery SRL           | -                    | 1.119.109.954        |
| Các đối tượng khác                     | 126.607.009          | 297.208.192          |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>1.800.931.447</b> | <b>3.190.951.274</b> |

**7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

|                                                        | Số đầu năm        | Số phải nộp<br>trong năm | Số thực nộp/<br>khấu trừ<br>trong năm | Số cuối năm       |
|--------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| <b>Phải nộp</b>                                        |                   |                          |                                       |                   |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra                           | (6.336.674)       | 11.378.364.065           | 11.372.027.391                        | -                 |
| Thuế xuất khẩu,<br>nhập khẩu                           | -                 | 3.420.200                | 3.420.200                             | -                 |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp (*)                      | 18.359.094        | 16.852.211               | 20.054.521                            | 15.156.784        |
| Thuế thu nhập cá<br>nhân                               | 3.056.399         | 27.120.376               | 30.408.972                            | (232.197)         |
| Các khoản phí, lệ<br>phí và các khoản<br>phải nộp khác | -                 | 20.446.289               | 20.446.289                            | -                 |
| <b>Tổng cộng</b>                                       | <b>15.078.819</b> | <b>11.446.203.141</b>    | <b>11.446.357.373</b>                 | <b>14.924.587</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**8. Vay và nợ thuê tài chính****Vay ngắn hạn**

Vay ngân hàng

**Tổng cộng**

|                  | Số cuối năm           | Số đầu năm |
|------------------|-----------------------|------------|
| Vay ngân hàng    | 21.438.563.354        | -          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>21.438.563.354</b> | <b>-</b>   |

**9. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                               | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng             |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| <b>Số dư tại ngày đầu năm</b> | <b>20.000.000.000</b>  | <b>14.077.940.005</b>             | <b>34.077.940.005</b> |
| Lãi năm trước                 | -                      | 29.622.038                        | 29.622.038            |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>      | <b>20.000.000.000</b>  | <b>14.107.562.043</b>             | <b>34.107.562.043</b> |
| Lãi trong năm nay             | -                      | 67.408.844                        | 67.408.844            |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>     | <b>20.000.000.000</b>  | <b>14.174.970.887</b>             | <b>34.174.970.887</b> |

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Bà Trần Thị Thơm

**Tổng cộng**

|                  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bà Trần Thị Thơm | 20.000.000.000        | 20.000.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>20.000.000.000</b> | <b>20.000.000.000</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

|                                                       | Đơn vị tính: VND       |                        |
|-------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                       | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |                        |                        |
| <b>Doanh thu</b>                                      |                        |                        |
| Doanh thu bán hàng                                    | 178.856.015.777        | 147.340.124.730        |
| <b>Tổng cộng</b>                                      | <b>178.856.015.777</b> | <b>147.340.124.730</b> |
| <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                | <b>19.976.800.078</b>  | <b>22.426.168.608</b>  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**3. Giá vốn hàng bán**  
Giá vốn của hàng hóa  
**Tổng cộng**

| Năm nay                | Năm trước             |
|------------------------|-----------------------|
| 132.769.948.285        | 93.373.078.382        |
| <b>132.769.948.285</b> | <b>93.373.078.382</b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**  
Lãi tiền gửi, tiền cho vay  
**Tổng cộng**

| Năm nay          | Năm trước        |
|------------------|------------------|
| 7.121.392        | 3.680.968        |
| <b>7.121.392</b> | <b>3.680.968</b> |

**5. Chi phí tài chính**  
Chi phí lãi vay  
Chi phí tài chính khác  
**Tổng cộng**

| Năm nay              | Năm trước          |
|----------------------|--------------------|
| 1.147.930.809        | 281.060.631        |
| 47.060.850           | -                  |
| <b>1.194.991.659</b> | <b>281.060.631</b> |

**6. Chi phí quản lý kinh doanh**

- a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ
- b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
- Tổng cộng**

| Năm nay               | Năm trước             |
|-----------------------|-----------------------|
| 21.566.260.459        | -                     |
| 3.183.706.475         | 31.163.225.472        |
| <b>24.749.966.934</b> | <b>31.163.225.472</b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2024 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**3. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Ngọc Thơm đã phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 02 tháng 12 năm 2025.

**ĐẶNG XUÂN NGỌC**

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

**TRẦN THỊ THƠM**

Chủ tịch công ty

